

Sinh kế và mức sống của người Cơ-tu ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam

Trần Hồng Thu*

Nhận ngày 26 tháng 6 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 8 năm 2024.

Tóm tắt: Người Cơ-tu là tộc người sinh sống lâu đời, có dân số chiếm đa số ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam. Người Cơ-tu ở khu vực này vẫn chủ yếu thực hiện các hoạt động sinh kế truyền thống là kinh tế nương rẫy và khai thác tự nhiên. Bên cạnh đó, họ cũng tiến hành một số hoạt động kinh tế phụ trợ như chăn nuôi, sản xuất thủ công nghiệp và một số hoạt động sinh kế mới. Mặc dù vậy, người Cơ-tu vẫn có mức sống thấp, tỷ lệ đói nghèo còn cao. Dựa trên các kết quả điều tra, khảo sát bảng hỏi và điền dã dân tộc học năm 2023-2024, bài viết¹ tập trung phân tích một số hoạt động sinh kế và mức sống của người Cơ-tu ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam nhằm cung cấp những cơ sở dữ liệu về sinh kế, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu về tộc người Cơ-tu cũng như việc đề xuất xây dựng chính sách phát triển kinh tế vùng biên giới tỉnh Quảng Nam.

Từ khóa: Sinh kế, mức sống, người Cơ-tu, vùng biên giới Việt Nam - Lào, Quảng Nam.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: The Cơ-tu people are an ethnic group that has lived in the Vietnam-Laos border area in Quảng Nam province for a long time, where they make up the majority of the population. In this region, the Cơ-tu still practice their traditional livelihood activities, including slash-and-burn agriculture and natural resource exploitation. In addition, they also engage in supplementary economic activities such as livestock farming, artisan production, and some new forms of livelihood. Despite these efforts, the Cơ-tu people continue to experience low standard of living, and poverty remains widespread. Drawing on the results of questionnaires and ethnographic fieldwork conducted from 2023 to 2024, this article examines some of the livelihood activities and the living standards of the Cơ-tu people in this border area. The goal is to provide data on their livelihoods which can serve as a reference for further research on the Cơ-tu people and developing economic development policies for the border regions of Quảng Nam province.

Keywords: Livelihood, living standard, Cơ-tu people, Vietnam-Laos border region, Quảng Nam province.

Subject classification: Anthropology

1. Mở đầu

Người Cơ-tu được xem là tộc người cư trú lâu đời ở khu vực hai bên dãy núi Trường Sơn, tức là nằm trọn ở vùng biên giới của cả hai nước Việt Nam và Lào. Ở Việt Nam, người Cơ-tu cư trú chủ yếu tại tỉnh Quảng Nam và tỉnh Thừa Thiên - Huế; tại Lào, người Cơ-tu tập trung ở tỉnh Sê Kông và Saravan (Ârhem, 2015). Tại tỉnh Quảng Nam, người Cơ-tu cư trú đông đảo ở các huyện Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang, trong đó có hai huyện Tây Giang và Nam Giang là huyện biên giới, với đường biên giới trên bộ dài khoảng 142,5km, tiếp giáp là tỉnh Sekong của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đây là địa bàn có vị trí quan trọng về kinh

* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: tranhongthu74@yahoo.com

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế cho một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam hiện nay”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Hồng Thu làm chủ nhiệm năm 2023-2024.

tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại. Tại vùng biên giới này, người Cơ-tu là tộc người đa số, chiếm gần 95% dân số ở huyện Tây Giang và hơn 59% dân số ở huyện Nam Giang. Ở khu vực các xã biên giới, người Cơ-tu cũng là tộc người đa số. Có tài liệu cho rằng tộc người này di cư từ Lào sang khu vực biên giới tỉnh Quảng Nam khoảng trên 300 năm (Đặng Nghiêm Vạn, 1987). Họ có quan hệ đồng tộc, họ hàng với người Cơ-tu bên Lào; nhiều thôn, bản giữa hai bên trước đây từng là cùng một làng, và hiện nay phần lớn các thôn, bản như vậy ở vùng biên giới Việt Nam - Lào đã làm thủ tục kết nghĩa giữa các bản biên giới.

Hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế mà người Cơ-tu đang thực hiện tại khu vực là các hoạt động kinh tế truyền thống nhằm tự cấp tự túc cho cuộc sống của họ, bao gồm việc canh tác lương thực (chủ yếu là trồng trọt trên nương rẫy) và khai thác tự nhiên (Arhem, 2015). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, với sự hỗ trợ của các chính sách nhà nước, các hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu ở vùng biên giới đã không chỉ còn gói gọn ở việc canh tác cây lương thực mà đã được mở rộng ra nhiều loại cây hàng hoá như bời lời, keo, cao su, gần đây là cây ăn quả và các loại cây dược liệu. Bên cạnh trồng trọt và khai thác tự nhiên, người Cơ-tu ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam còn có các hoạt động sinh kế khác là chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làm thuê, xuất khẩu lao động và buôn bán nhỏ. Tuy nhiên, do nhiều lý do, các hoạt động sinh kế của người Cơ-tu trên địa bàn vẫn chưa đảm bảo được mức sống của người dân, tỷ lệ đói nghèo ở người Cơ-tu vẫn ở mức rất cao. Theo kết quả rà soát hộ nghèo năm 2023, tại huyện Tây Giang, người Cơ-tu có dân số là 20.714 người, chiếm tỷ lệ 94,6% dân số; tỷ lệ nghèo là 50,61%, trong đó 99,9% hộ nghèo là người Cơ-tu (UBND huyện Tây Giang, 2023). Tại huyện Nam Giang, tính đến năm 2022, người Cơ-tu có 15.985 người, chiếm tỷ lệ 59,9% dân số (Phòng thống kê huyện Nam Giang, 2023); tỷ lệ hộ nghèo là 43,5%; trong đó hộ nghèo của các xã biên giới là 59,9%; 99,9% hộ nghèo là tộc người thiểu số (gồm cả người Cơ-tu và Giê-triêng) (UBND huyện Nam Giang, 2022). Mặc dù nhiều chính sách của nhà nước đã được áp dụng trong khu vực nhằm giảm nghèo, nâng cao mức sống của người dân nhưng hiệu quả của các chính sách này vẫn chưa được như mong muốn (Trần Hồng Thu, 2024).

Trước đây, đã có một số ít nghiên cứu có đề cập đến hoạt động sinh kế của người Cơ-tu (Arhem, 2015; Nguyễn Thị Hoàn, 2019; Bùi Văn Đạo (chủ biên), 2020; Lê Thu Huyền và Võ Thị Thanh Thuý, 2023). Tuy nhiên, các nghiên cứu này không chuyên sâu về sinh kế mà chủ yếu chỉ trình bày sơ lược về các hoạt động sinh kế của người Cơ-tu như là giới thiệu đặc trưng tộc người. Dựa trên các kết quả điều tra, khảo sát bằng hỏi và điền dã dân tộc học năm 2023-2024², bài viết tập trung phân tích một số hoạt động sinh kế và mức sống của người Cơ-tu ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam, nhằm cung cấp những cơ sở dữ liệu về sinh kế của người Cơ-tu, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu về tộc người Cơ-tu cũng như việc đề xuất xây dựng chính sách phát triển kinh tế vùng biên giới tỉnh Quảng Nam.

² Nghiên cứu được thực hiện tại xã A Tiêng và xã Tr'hy của huyện Tây Giang, xã La Dêê và xã Đăk Tôi, huyện Nam Giang. Đoàn nghiên cứu đã thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với cán bộ lãnh đạo, phòng dân tộc, phòng kinh tế hạ tầng, phòng nông nghiệp của hai huyện Tây Giang và Nam Giang, lãnh đạo và các cán bộ chuyên trách các xã được khảo sát, quản lý và hơn 50 người dân ở các thôn trong xã. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra theo bảng hỏi 163 hộ gia đình người Cơ-tu, trong đó có 111 hộ tại huyện Tây Giang và 52 hộ tại huyện Nam Giang. Mẫu khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên thuận tiện, bao gồm toàn bộ một hoặc hai thôn của xã biên giới. Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS. Trong 163 hộ Cơ-tu được khảo sát thì có 143 chủ hộ là nam giới, chiếm tỷ lệ 87,7%; 114 chủ hộ có vợ/chồng, chiếm tỷ lệ 88,3%; 123 chủ hộ là nông dân, chiếm tỷ lệ 75,9%; 26 chủ hộ là cán bộ, chiếm tỷ lệ 16%; còn lại là các ngành nghề khác; 23 chủ hộ không biết chữ, chiếm tỷ lệ 14,3%; 28 hộ trình độ tiểu học, chiếm tỷ lệ 17,4%; 27 chủ hộ có trình độ trung học cơ sở, chiếm tỷ lệ 16,8%; 44 chủ hộ có trình độ trung học phổ thông, chiếm tỷ lệ 27,3%; 39 chủ hộ có trình độ trung cấp trở lên, chiếm tỷ lệ 24,2%.

2. Một số hoạt động sinh kế của người Cơ-tu

2.1. Trồng trọt

Trồng trọt luôn là hoạt động kinh tế chính của người Cơ-tu nói chung và người Cơ-tu ở các xã biên giới của tỉnh Quảng Nam nói riêng nhằm cung cấp nguồn lương thực phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng hàng ngày và phần nào mang lại nguồn thu bằng tiền mặt hàng năm cho người dân. Các hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu bao gồm: trồng trọt trên đất ruộng nước, đất nương rẫy, đất vườn và đất lâm nghiệp.

Người Cơ-tu thường khai thác các mảnh đất ven các sông, suối để canh tác lúa nước. Việc trồng lúa nước ở người Cơ-tu được cho là bắt đầu vào thời kỳ trước 1975, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, do cán bộ cách mạng và bộ đội hướng dẫn (Bùi Văn Đạo, 2020). Ở trên địa hình đồi núi dốc như ở ven dãy Trường Sơn thì diện tích có thể canh tác lúa nước không nhiều, không phải gia đình Cơ-tu nào cũng có đất canh tác ruộng nước. Theo kết quả khảo sát 160 hộ gia đình Cơ-tu tại 4 xã biên giới của huyện Tây Giang và Nam Giang, 51,3% hộ gia đình không có đất ruộng nước; 18,1% có đất ruộng với diện tích dưới 500m²; 14,4% có đất ruộng diện tích từ 500m² đến 1000m²; 10,6% có đất ruộng với diện tích trên 1000m² đến 1500m²; và 5,6% có diện tích đất ruộng trên 1500m². Ở một số địa phương, ví dụ như xã Tr'hy, xây dựng thủy điện đã làm mất hơn 50% diện tích đất ruộng nước của nhiều hộ gia đình Cơ-tu, cũng như làm thay đổi cơ cấu mùa vụ của người dân khi họ buộc phải chuyển từ canh tác hai vụ sang 1 vụ để tránh bị ngập nước. Người Cơ-tu hầu như chỉ trồng lúa trên đất ruộng nước chứ không trồng đa dạng các loại cây khác trên loại đất này. Lúa trồng trên ruộng là các giống lúa nếp và lúa tẻ, bao gồm cả các giống lúa địa phương và giống lúa lai. Lúa trên ruộng chủ yếu được gieo cấy, ít gieo sạ, được làm cỏ lúa 2 lần/vụ, gần như không có bón phân. Lúa sản xuất ra chỉ sử dụng trong gia đình, hầu như không bán trừ trường hợp rất cần tiền mặt.

Nương rẫy là hoạt động kinh tế truyền thống của người Cơ-tu (Bùi Văn Đạo, 2020). Trên nương rẫy, người Cơ-tu canh tác nhiều loại cây, bao gồm: các loại cây lương thực như lúa, sắn, ngô; một số cây gia vị như gừng, ớt; cây ăn quả (gần đây), cây gỗ lớn (keo, bời lời, cao su, quế); và các loại cây dược liệu (gần đây). Mỗi hộ gia đình Cơ-tu trung bình có khoảng 4-6 mảnh rẫy, được sử dụng để canh tác luân phiên; thông thường cứ canh tác 1-2 năm lại bỏ hoá một lần trong khoảng thời gian trên 5 năm để đất đai được hồi phục. Việc bỏ hoá đất đai này được thực hành theo truyền thống nhưng lại có khả năng khiến người Cơ-tu bị mất đất canh tác hoặc lâm vào tình trạng tranh chấp đất đai khi các cơ quan lý rừng đưa diện tích này vào diện tích phục hồi rừng theo điều 64 của Luật Đất đai “Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục”. Rất nhiều hộ gia đình cả Cơ-tu và Giê-triêng của hai huyện Tây Giang và Nam Giang đã bị chồng lấn đất sản xuất với diện tích của rừng phòng hộ Tây Giang hoặc Vườn quốc gia Sông Thanh (Nam Giang). Việc bóc tách các diện tích đất sản xuất của người dân ra khỏi các diện tích đất rừng phòng hộ và Vườn Quốc gia gặp nhiều vướng mắc, kéo dài thời gian nhưng vẫn chỉ mới thực hiện được một phần. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của người dân, dẫn đến 70,2% số hộ gia đình Cơ-tu ở khu vực cho biết đang thiếu đất sản xuất. Với mảnh nương rẫy vừa khai phá, người Cơ-tu tiến hành trồng một vụ lúa nương, cả nếp và tẻ giống địa phương trong thời điểm từ tháng 3-7. Sau đó mới trồng đến các loại cây khác.

Các cây trồng trên rẫy của người Cơ-tu ở hai huyện Nam Giang và Tây Giang có sự khác nhau do điều kiện thời tiết. Ở Tây Giang, cây sắn là cây lương thực chủ lực của người dân được trồng trên nương, đáp ứng 70-80% nhu cầu sử dụng lương thực hàng năm của người dân khi lúa ruộng và lúa rẫy chỉ cung ứng được khoảng 20-30% lượng lương thực của hộ gia đình. Ngoài cây sắn, một số hộ gia đình Cơ-tu đã trồng thêm ngô. Bên cạnh đó, do thời tiết núi cao

lạnh, người Cơ-tu ở đây canh tác gừng như một loại cây hàng hoá để có thu nhập tiền mặt. Tại xã Tr'hy, hầu như hộ gia đình nào cũng có nguồn thu từ gừng, hộ thấp nhất 1 triệu đồng, hộ cao nhất là 20-30 triệu đồng/năm. Tuy nhiên, giai đoạn hiện nay, giá gừng đang xuống thấp, chỉ đạt 5000đ/kg khiến người dân ít còn mặn mà với việc trồng gừng. Thay vào đó, người dân đang chuyển đổi sang trồng cây ăn quả, quế và các loại cây dược liệu như: đẳng sâm, ba kích. Keo không phải là giống cây được khuyến khích trồng tại Tây Giang do đường giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách xa nên lợi ích kinh tế của keo thấp. Tại huyện Nam Giang, cây lương thực trồng chủ lực là cây lúa; các loại ngô, khoai, sắn có được trồng nhưng rất ít. Do điều kiện khí hậu không mát như ở Tây Giang nên chỉ rất ít khu vực của Nam Giang thích hợp trồng cây dược liệu, ví dụ như sâm Ngọc Linh chỉ trồng được ở xã Chơ Chun. Các loại quế, cây ăn quả cũng được phát triển trong những năm gần đây. Các loại cây thân gỗ được trồng nhiều ở Nam Giang là keo, bồi lồi (không bán được), cao su (thu nhập thấp).

Trước đây, khi người Cơ-tu cư trú rải rác theo các mảnh nương, sườn đồi thì họ không có đất vườn riêng biệt; những khoảnh đất xung quanh nhà đều là nương rẫy và trồng các loại cây lương thực và một số loại bầu bí, rau, đậu (ít). Hiện nay, người Cơ-tu đã cư trú tập trung tại các khu dân cư thì ở một số ít hộ gia đình đã làm vườn xung quanh nhà trồng một loại rau, cây gia vị, cây ăn quả. Với diện tích đất vườn hạn chế, lượng rau trồng được ở các vườn nhà chủ yếu là tự cung, tự cấp một phần lượng rau cho gia đình bên cạnh một phần lớn lượng rau tiêu thụ hàng ngày là được hái trên nương rẫy, hoặc thu lượm từ rừng.

Các cây trồng trên đất lâm nghiệp của người dân chủ yếu là các loại cây thân gỗ như: bồi lồi, cao su, keo (Nam Giang), quế (Tây Giang). Bồi lồi được đưa vào trồng ở trong người dân đã được khoảng gần 20 năm, với hy vọng là cây xoá đói giảm nghèo cung cấp nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, không có doanh nghiệp nào đến thu mua bồi lồi cho người dân. Sau cây bồi lồi, cây cao su cũng được phát triển tại khu vực biên giới của hai huyện Tây Giang và Nam Giang theo hình thức hợp tác giữa người dân và công ty cao su; tuy nhiên, do thời gian canh tác dài mới cho thu hoạch, mức giá thu mua mủ cao su của công ty những năm gần đây xuống thấp nên người dân cũng không còn mặn mà với việc trồng cây cao su. Một bộ phận người dân ưa thích trồng keo hơn vì cây keo dễ trồng, dễ bán hơn so với các loại cây khác, tuy nhiên, keo không được chính quyền huyện Tây Giang khuyến khích người dân phát triển. Thay vào đó, ở Tây Giang, bắt đầu phát triển mạnh việc trồng cây quế. Thực ra, cây quế là một loại cây trồng đã được trồng ở Tây Giang từ lâu, tuy nhiên, có một thời gian dài người dân không bán được quế do đó họ chặt bỏ để phát triển các loại cây trồng khác. Hiện nay, cây quế được thu mua nhiều hơn so với trước. Người dân có thể bán quế tại các quán hàng trong xã hoặc tại trung tâm huyện; các tư nhân người Kinh cũng đi ô tô lên xã để thu mua quế. Những hộ gia đình trồng quế từ 20-30 năm có thể cho thu nhập cao nhất lên đến 30 triệu đồng, thấp nhất là 5 triệu dựa theo số lượng quế thu hoạch. Các chương trình phát triển kinh tế và xoá đói giảm nghèo của nhà nước cũng cấp phát các giống cây quế cho người dân.

2.2. Khai thác tự nhiên

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, trong cuộc sống, người Cơ-tu dựa nhiều vào việc khai thác các sản phẩm tự nhiên từ rừng và sông, suối. Khai thác tự nhiên trước đây từng là một hoạt động sinh kế chính của người Cơ-tu. Kết quả khảo sát cho thấy, 93,3% người Cơ-tu có triển khai thực hiện các hoạt động khai thác tự nhiên (91,0% người Cơ-tu ở Tây Giang và 98,1% người Cơ-tu ở Nam Giang).

Nhà của người Cơ-tu truyền thống được làm từ các nguyên liệu tự nhiên lấy từ rừng như: gỗ, tre, cỏ tranh... Gỗ được sử dụng để làm cột, vách, xà nhà, cửa... Việc khai thác gỗ trước đây được tự do, người dân khi có dự định xây nhà sẽ nhờ anh em, họ hàng hỗ trợ đi lên rừng lấy gỗ về làm nhà. Trong những năm trước đây, khi khu vực rừng ở Tây Giang trở thành rừng phòng hộ, để tạo điều kiện cho người dân có nguyên liệu gỗ để làm nhà, chính quyền

địa phương và cơ quan quản lý bảo vệ rừng vẫn cho phép người dân khi làm nhà và có giấy xin phép thì được khai thác tối đa là 10m³ gỗ, chỉ được sử dụng để làm nhà, không được phép trao đổi, mua bán. Đến năm 2024 thì việc cho phép dân khai thác gỗ để làm nhà đã chấm dứt, người dân muốn xây dựng nhà phải mua các vật liệu xây dựng từ bên ngoài. Tại Nam Giang, do rừng xung quanh các thôn làng Cơ-tu thuộc về Vườn quốc gia Sông Thanh, người dân không được phép khai thác gỗ với bất cứ lý do nào nên từ lâu, người dân đã không còn khai thác gỗ để làm nhà.

Ngoài việc khai thác gỗ làm nhà, người Cơ-tu còn khai thác củi để làm chất đốt, bột đao để ủ rượu, rau rừng, măng rừng, mật ong và các loại thú rừng để làm đồ ăn hàng ngày hoặc có thể bán đi để lấy tiền. Trước đây, các loại sản phẩm từ rừng bao gồm: các loại rau rừng, măng rừng và các con thú rừng sau khai thác được người Cơ-tu chia sẻ cho nhau. Hiện nay, việc chia sẻ các sản phẩm được khai thác từ rừng ít còn được thực hiện, thay vào đó, người Cơ-tu đã mang những sản phẩm này đem bán lại cho những quán hàng của người Kinh hoặc với những người Cơ-tu khác có nhu cầu như là một hình thức tập làm quen với kinh tế thị trường. Việc săn bắn các loại thú to cũng đã bị ngăn cấm một cách quyết liệt, đặc biệt trong vòng 5 năm trở lại đây nên người dân chủ yếu là săn một số con thú nhỏ hoặc săn trộm.

Tại các sông, suối, người Cơ-tu đánh bắt cá và khai thác vàng sa khoáng. Việc đánh bắt cá được thực hiện khá phổ biến, nhằm cung cấp nguồn thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày của người dân. 35,3% người Cơ-tu ở Nam Giang và 21,8% người Cơ-tu ở Tây Giang có các hoạt động đánh bắt cá ở sông, suối. Ngoài đánh bắt cá, người dân còn khai thác vàng sa khoáng dọc theo các con sông, suối trong vùng. Trước đây, việc khai thác vàng sa khoáng được nhiều người tham gia hơn, cả nam và nữ, số lượng vàng khai thác được không nhiều, theo người dân cho biết là chỉ đủ trang trải cuộc sống mỗi ngày. Hiện nay, việc khai thác vàng sa khoáng chỉ còn ít hộ dân thực hiện do việc tích nước xây dựng thủy điện làm nước tại các sông, suối dâng cao.

Ngoài ra, một số người Cơ-tu trước đây còn tham gia khai thác đá sỏi xây dựng nhưng hiện nay họ đã không còn thực hiện nữa.

Phần lớn các hoạt động khai thác tự nhiên được người Cơ-tu thực hiện trong thời gian rảnh rỗi, phục vụ cho nhu cầu sử dụng của gia đình là chính. Tuy nhiên, nhiều loại hình khai thác tự nhiên đã giảm sút so với trước đây, một phần là do một số ít người dân sử dụng gas trong đun nấu nên không còn khai thác củi nữa; một phần là do tài nguyên bị giảm sút, bị ảnh hưởng bởi thủy điện nhưng phần lớn là do các diện tích rừng ở khu vực biên giới huyện Tây Giang và Nam Giang đã trở thành rừng phòng hộ, giao cho dân quản lý theo hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng (Tây Giang) hoặc rừng đặc dụng, không cho phép người dân được tiến hành khai thác lâm sản.

2.3. Chăn nuôi

Người Cơ-tu ở hai huyện biên giới tỉnh Quảng Nam về cơ bản vẫn chăn nuôi theo kiểu truyền thống là chăn thả rộng vật nuôi với các loại vật nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gia cầm các loại, cá, với số lượng không nhiều, chủ yếu vẫn để đáp ứng các nhu cầu lễ vật cho các lễ thức tín ngưỡng, sử dụng trong gia đình và bán (ít). Gần đây, một số hộ gia đình đã chăn nuôi dúi, cung cấp nguồn nguyên liệu cho các nhà hàng.

Bò, lợn, gia cầm là những vật nuôi được nhiều hộ gia đình Cơ-tu chăn nuôi nhất; đây cũng là những vật nuôi chủ yếu được các chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biên giới tập trung hỗ trợ cho người dân. Kết quả khảo sát cho thấy 50,5% số hộ người Cơ-tu được khảo sát có chăn nuôi bò; tỷ lệ này ở Tây Giang cao hơn so với ở Nam Giang (58,6% so với 31,0%). 25,3% số hộ gia đình có chăn nuôi lợn với tỷ lệ của Tây Giang là 15,7% và Nam Giang là 48,3%. 46,5% số hộ gia đình Cơ-tu có chăn nuôi gia cầm; Tây Giang là 52,9% và Nam Giang là 31,0%. 10,1% số hộ chăn nuôi trâu, trong đó không

có hộ Cơ-tu nào ở Nam Giang cho biết họ có chăn nuôi loại vật này. Bên cạnh đó, một số hộ gia đình Cơ-tu cũng chăn nuôi một số con vật khác như dê (2,0%), cá (13,1%), ngựa (2%), ong (1%), vật nuôi khác (2%). Do không có bãi chăn thả nên vật nuôi chủ yếu được chăn nuôi tại nương rẫy của các gia đình, ít làm chuồng trại; một số gia đình gần đây được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi nên đã bắt đầu làm chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Tuy nhiên, do thiên tai và dịch bệnh (đặc biệt là dịch lở mồm long móng, dịch tả lợn châu Phi, dịch cúm gà), cùng với một số nguyên nhân khác, nên những năm gần đây, tình hình chăn nuôi của người Cơ-tu ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam có sự giảm sút mạnh.

2.4. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp

Người Cơ-tu ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam trước đây có phát triển một số nghề thủ công để đáp ứng nhu cầu tự cung, tự cấp, chủ yếu là nghề đan lát và nghề dệt; ngoài ra còn có một số hộ làm nghề rèn, nấu rượu, làm vòng cườm (mới đây). Hiện nay, phần lớn các nghề này đang bị mai một do nhiều nguyên nhân.

Người Cơ-tu sử dụng các nguyên liệu từ tự nhiên như tre, mây... chế nhỏ, tạo hình thành các vật dụng hàng ngày, đặc biệt là gùi và các loại đồ đựng. Không phải hộ gia đình Cơ-tu nào cũng biết đan lát; kết quả khảo sát cho thấy 85,3% số hộ gia đình người Cơ-tu được khảo sát chưa từng làm nghề đan lát; 12,9% số hộ trước đây từng làm nghề đan lát nhưng nay không còn làm nữa; chỉ có 1,8% số hộ còn duy trì nghề đan lát. Trước kia, những người Cơ-tu biết nghề đan lát thường trao đổi sản phẩm đan lát lấy các đồ vật khác hoặc lấy lương thực, hoặc có khi làm giúp cho những người Cơ-tu khác trong làng. Hiện nay, họ bán các sản phẩm gùi với giá 150.000 đồng cho những người có nhu cầu; tuy nhiên sản phẩm làm ra không nhiều do người ta chỉ đan lát khi thời gian rảnh rỗi, đã có nhiều sản phẩm công nghiệp thay thế và nguồn nguyên liệu cũng không còn nhiều như trước.

So với đan lát, nhiều người Cơ-tu biết dệt vải hơn; trước đây, quần áo mặc hàng ngày của người Cơ-tu ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam là do những người phụ nữ tự làm; hoặc trao đổi với người Cơ-tu ở các địa phương khác. 35,6% số hộ được khảo sát cho biết họ đã từng làm nghề dệt, trong đó 51,8 % số hộ gia đình đã bỏ không làm nghề dệt nữa, chỉ còn 48,2 % số hộ gia đình vẫn còn duy trì nghề dệt; 01 hộ bên cạnh làm nghề dệt đã mua hạt cườm về để làm thành vòng cườm, đem bán kèm với các sản phẩm dệt tại các hội chợ, hoặc tại nhà cho những người Cơ-tu khác. Nguyên nhân nghề dệt bị giảm sút là do nguồn nguyên liệu giảm sút; quần áo tương tự như người Kinh được nhiều đoàn từ thiện mang lên vùng biên giới hoặc người ta cũng có thể dễ dàng mua quần áo tại các chợ, cửa hàng hoặc trên mạng.

Tại 4 xã được khảo sát, chỉ có 01 hộ gia đình tại xã Tr'hy là làm nghề rèn, chủ yếu là sửa chữa các nông cụ cho các gia đình trong xã; 7 hộ cũng tại xã Tr'hy làm nghề nấu rượu, trong đó 3 hộ không còn làm nữa.

2.5. Làm thuê, xuất khẩu lao động và buôn bán nhỏ

Bên cạnh các hoạt động sinh kế truyền thống, khoảng 10 năm trở lại đây, người Cơ-tu ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam đã triển khai một số hoạt động sinh kế mới nhằm gia tăng nguồn thu nhập cho gia đình, đó là làm thuê, xuất khẩu lao động và buôn bán nhỏ. Các hoạt động này của người Cơ-tu ở hai huyện Tây Giang và Nam Giang có sự khác biệt do sự thay đổi về nhận thức của người dân dựa trên điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế của địa phương.

Kết quả khảo sát cho thấy, 27% số người Cơ-tu được khảo sát có đi làm thuê; trong đó tỷ lệ người Cơ-tu đi làm thuê ở Tây Giang là 22,5% và ở Nam Giang là 36,5%. Tại Tây Giang, do địa hình núi cao, đường giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt với các xã vùng cao biên giới xa trung tâm, vì thế số lượng người Cơ-tu đi làm thuê ở đây thấp hơn so với ở Nam Giang. Bên cạnh đó, người dân còn có nguồn tài nguyên rừng mang lại nguồn thu nhập qua khai thác các sản phẩm tự nhiên hoặc nguồn kinh phí thu được từ dịch vụ chi trả môi trường rừng. Ở

Tr'hy, tùy theo diện tích rừng giao khoán, mỗi thôn được nhận một khoản tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, dùng để thanh toán một số sinh hoạt chung của cộng đồng và chia cho các hộ gia đình trong thôn; ví dụ như thôn A Baanh, nhận khoán 249,25 ha và được nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng khoảng 50 triệu/quý, chia đều cho các hộ gia đình trong thôn; thôn A Voong nhận 1.261,85 sha, nhận được 100 triệu đồng/quý. Thôn giữ lại 10% chi hoạt động, còn lại chia cho các hộ gia đình tham gia nhận khoán (trừ 11 hộ gia đình già cả, không có người tham gia bảo vệ rừng). Tại huyện Nam Giang, người Cơ-tu chỉ có thu nhập từ trồng trọt cây lương thực và cây keo là chính nên buộc phải tìm kiếm thêm nguồn thu nhập khác từ hoạt động làm thuê. Các hoạt động lao động làm thuê của người Cơ-tu chủ yếu là làm thuê tại địa bàn huyện như trồng trọt cho người Kinh và một số người đồng tộc (những người đồng tộc này chủ yếu là các cán bộ tại địa phương, có đất nhưng không có lao động nên thuê người làm một số công việc trồng trọt), chăn nuôi (ít), giúp việc nhà (cho người Kinh, ít), khâu vác (cho người Kinh), vận chuyển hàng hoá (cho người Kinh), và đi làm ăn xa như làm việc cho các công ty may mặc, chế biến tại Đà Nẵng hoặc các huyện thị khác của Quảng Nam là chủ yếu.

Một số năm gần đây, dưới sự hỗ trợ của các trung tâm giới thiệu việc làm và chính quyền xã, một số người Cơ-tu đã đi xuất khẩu lao động sang các nước như Malaysia, Lào... Tuy nhiên, do thói quen không thích đi xa khỏi gia đình, lo sợ trước các bất ổn với người đi xuất khẩu lao động nên nhiều những người Cơ-tu đi xuất khẩu lao động đã trở về nhà và việc đi xuất khẩu lao động chưa mang lại hiệu quả kinh tế như mong muốn. Tại xã Tr'hy, sau khi nghe tin có vụ việc 39 người Việt Nam chết trong container ở Anh, thì khoảng 10 người Cơ-tu đi xuất khẩu lao động đã đồng loạt bỏ về nhà. Tại Nam Giang, trong những năm gần đây, công ty Thaco đầu tư phát triển trang trại bên Lào, đã phối hợp với chính quyền địa phương tuyển người dân sang làm việc. Với các công việc trồng trọt quen thuộc, địa bàn làm việc lại không quá xa, nên việc xuất khẩu lao động sang Lào làm việc cho công ty Thaco đã thu hút được một số lượng người lao động tại Nam Giang, bao gồm cả người Cơ-tu và người Giê-triêng.

Học tập người Kinh, một số hộ gia đình Cơ-tu đã bắt đầu các dịch vụ buôn bán nhỏ, chủ yếu là bán hàng tạp hoá và thu mua một số nông sản của người dân địa phương. Cũng có trường hợp phát triển dịch vụ du lịch. Các trường hợp này thường là gia đình cán bộ, có vốn, hoặc vay vốn đầu tư làm ăn. Tuy nhiên, việc buôn bán của các hộ gia đình Cơ-tu chưa nhận được sự ủng hộ nhiều của người đồng tộc, vì người Cơ-tu quen với truyền thống san sẻ cho nhau, chứ chưa quen với việc người đồng tộc mua bán với nhau.

3. Mức sống và tình trạng đói nghèo

So với người Kinh trong vùng, người Cơ-tu có mức sống kém hơn. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hộ giàu và khá ở người Cơ-tu thấp, chỉ đạt 0,6% và 5,6%. Các hộ có mức sống giàu và khá đều là những hộ có nguồn thu nhập từ lương. Chủ hộ được cho là giàu có ở trong vùng đã từng là du học sinh tại Trung Quốc, tham gia vào công tác tại địa phương và hiện có thu nhập ổn định từ lương hưu. Đa phần người Cơ-tu được khảo sát là hộ nghèo (63%); số hộ có mức sống trung bình chỉ đạt 27,8% (xem bảng dưới đây).

Bảng: Mức sống của hộ gia đình người Cơ-tu ở vùng biên giới trong năm 2023

Mức sống		Huyện		Tổng
		Tây Giang	Nam Giang	
Giàu	Trường hợp	1	0	1
	Tỷ lệ	0.9%	0.0%	0.6%
Khá	Trường hợp	4	5	9
	Tỷ lệ	3.6%	9.8%	5.6%
Trung bình	Trường hợp	32	13	45
	Tỷ lệ	28.8%	25.5%	27.8%

Cận nghèo	Trường hợp	4	1	5
	Tỷ lệ	3.6%	2.0%	3.1%
Nghèo	Trường hợp	70	32	102
	Tỷ lệ	63.1%	62.7%	63.0%
Tổng cộng	Trường hợp	111	51	162
	Tỷ lệ	100.0%	100.0%	100.0%

Nguồn: Số liệu điều tra thực địa đề tài năm 2023-2024

66,2% người Cơ-tu được khảo sát có thu nhập dưới 50 triệu đồng/hộ/năm. Phần lớn người dân cho biết họ cũng không có thu nhập bằng tiền mặt, chủ yếu chỉ đủ (hoặc có khi không đủ) lương thực để ăn. Các cấp chính quyền địa phương ở các xã biên giới cũng cho biết, thu nhập bình quân đầu người của người dân rất thấp, không đạt được tiêu chí thu nhập bình quân đầu người để được trở thành xã nông thôn mới. 22,5% số hộ có thu nhập từ 50 triệu đến 100 triệu/hộ/năm. 8,6% số hộ có thu nhập từ 100 triệu đồng đến 150 triệu đồng/hộ/năm. Số hộ có thu nhập hàng năm trên 150 triệu trở lên chỉ chiếm 2,7%. Phần lớn các hộ có thu nhập cao đều là hộ gia đình có nguồn thu nhập từ lương. Chỉ có 6,2% số hộ gia đình Cơ-tu được khảo sát cho biết họ có tiền dư sau khi trừ các chi phí; 80% có tiền dư dưới 50 triệu/năm.

47,5% số hộ gia đình Cơ-tu được khảo sát cho rằng thu nhập của họ so với 5 năm trước không có sự biến động; 28,4% cho rằng có sự biến động tăng thêm và 24,1% cho biết có sự biến động giảm đi. Số hộ gia đình cận nghèo và nghèo cho biết thu nhập của họ giảm so với 5 năm trước cao hơn so với các hộ gia đình có mức sống trung bình, khá và giàu; trong khi đó, các hộ gia đình trung bình, khá và giàu có mức sống tăng lên cao hơn nhóm hộ cận nghèo và nghèo.

Về nhà ở và tài sản: 96,9% số hộ gia đình người Cơ-tu được khảo sát có nhà riêng, còn lại thì đang ở nhờ; chủ yếu là các gia đình trẻ, mới tách hộ nhưng chưa có đủ tiền để làm nhà nên còn đang ở nhờ nhà bố mẹ hoặc người thân. 96,8% là loại hình nhà gỗ, mái lợp tôn hoặc fibro-xi măng; 3,2% là nhà xây cấp 4. Phần lớn nhà ở có diện tích dưới 100m² (82,3%), trong đó diện tích nhà ở từ 50m² đến 100m² là phổ biến; 4,4% có nhà có diện tích khoảng 20m². 3,7% có đồ dùng có giá trị trên 50 triệu đồng, là xe máy; 1 hộ có xe ba bánh và 1 hộ có xe tải chở hàng có giá trị trên 50 triệu đồng.

Người Cơ-tu ở vùng biên giới tỉnh Quảng Nam có tỷ lệ đói nghèo rất cao. Theo kết quả rà soát hộ nghèo năm 2023 của huyện Tây Giang, 4 xã biên giới vùng cao đều có tỷ lệ nghèo cao trên 50% như Tr'hy là 50,25%, A Xan là 58,64%, Ga Ri là 62,16% và Ch'Om là 66,18%. Ở huyện Nam Giang, các xã biên giới cũng có tỷ lệ hộ nghèo cao, như xã La Dê là 48,89% năm 2022 (Ủy ban nhân dân xã La Dê, 2023), cao hơn nhiều so với tỷ lệ nghèo trung bình của huyện. 63% người Cơ-tu được khảo sát cho biết họ là hộ nghèo và 3,1% là hộ cận nghèo; cao hơn so với kết quả báo cáo rà soát hộ nghèo tại các địa phương. Việc khảo sát này được tiến hành ngẫu nhiên, khảo sát gần như toàn bộ một thôn hoặc 2 thôn trên địa bàn xã biên giới, gần trung tâm xã nên đây là một tỷ lệ nghèo rất cao, phản ánh thực tế tại địa phương. Không chỉ nghèo, 36,5% số hộ nghèo cho biết họ còn thiếu ăn từ 1 đến 6 tháng trong năm; cụ thể 12 hộ thiếu ăn 1 tháng, 11 hộ thiếu ăn 2 tháng, 2 hộ thiếu ăn 3 tháng, 1 hộ thiếu ăn 4 tháng, 1 hộ thiếu ăn 5 tháng và 4 hộ thiếu ăn 6 tháng. Số hộ gia đình người Cơ-tu ở Tây Giang cho biết còn thiếu lương thực ăn cao hơn số hộ gia đình người Cơ-tu ở Nam Giang. Các nguyên nhân nghèo, đói được người dân đưa ra là thiếu kinh nghiệm làm ăn (32,6%), thiếu lao động (25%), đồng người ăn theo (4,3%), thiếu vốn (60,9%), thiếu đất sản xuất (58,7%), ốm đau, tàn tật (12%), thời tiết không thuận lợi, thiên tai, dịch bệnh (15,2%). Như vậy, thiếu đất sản xuất và thiếu vốn là hai nguyên nhân chính khiến người dân cho rằng làm cho họ rơi vào tình trạng nghèo đói.

4. Kết luận

Sinh sống lâu đời ở vùng cao biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam, người Cơ-tu

đã kết hợp các hình thức sinh kế truyền thống và hình thức sinh kế mới để làm đa dạng các hoạt động sinh kế của tộc người. Mặc dù vậy, các hoạt động sinh kế truyền thống là canh tác nương rẫy và khai thác tự nhiên vẫn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của người Cơ-tu, là nguồn thu nhập chính của người dân.

Việc sống dựa chủ yếu vào các hoạt động sinh kế truyền thống, chưa bắt kịp với tư duy và kinh tế thị trường, vẫn giữ tâm lý ngại đi xa, chỉ muốn ở gần nhà, là những nguyên nhân chính khiến người Cơ-tu ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam chưa tạo nên được những đột phá trong phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và mức sống, tỷ lệ đói, nghèo vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, sự phát triển dịch bệnh ở vật nuôi, sự thay đổi trong quản lý tài nguyên rừng tại địa phương, cũng gây nên những ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động sinh kế của người Cơ-tu nơi đây.

Đề người Cơ-tu có thể phát triển kinh tế, nâng cao mức sống và xoá đói giảm nghèo, bài viết đưa ra một số khuyến nghị như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ bóc tách các diện tích đất sản xuất của người dân đang bị chồng lấn cùng diện tích đất rừng phòng hộ và đất của Vườn quốc gia Sông Thanh để người dân an tâm sản xuất và giảm tình trạng thiếu đất sản xuất của người dân.

- Tiếp tục hỗ trợ người dân các điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng vật nuôi, ví dụ như cho vay vốn lãi suất ưu đãi phát triển sản xuất, nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi thích hợp với điều kiện tự nhiên trong vùng, tăng cường hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho người dân, hỗ trợ kiểm soát dịch bệnh ở vật nuôi, tăng cường đào tạo nghề, hỗ trợ người dân trong tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng cao nhận thức của người dân về phát triển kinh tế đặc biệt liên quan đến kinh tế thị trường, đa dạng hoá sinh kế, thay đổi một số thói quen đã không còn phù hợp trong sản xuất hàng hoá hiện nay, tạo mong muốn và động lực trong phát triển kinh tế, giảm thiểu tình trạng dựa dẫm vào các chính sách giảm nghèo của nhà nước.

Tài liệu tham khảo

Arhem, N. (2015). *Forests, spirits and high modernist development: A study of cosmology and change among the Katuic peoples in the uplands of Laos and Vietnam*. [Luận án Tiến sĩ. Acta Universitatis Upsaliensis].

Bùi Văn Đạo (chủ biên). (2020). *Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển bền vững các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền Trung*. Nxb. Khoa học xã hội.

Đặng Nghiêm Vạn. (1987). Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng hiện nay. *Đường lối chính sách của Đảng và một số kết quả nghiên cứu về các dân tộc ở Quảng Nam - Đà Nẵng*. Ban Dân tộc tỉnh uỷ và Uỷ ban Khoa học - Kỹ thuật Quảng Nam - Đà Nẵng.

Lê Thu Huyền và Võ Thị Thanh Thuý. (2023). Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế bền vững trong đời sống đồng bào người Cơ-tu ở tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học HUFLIT*, 7(3). <https://hjs.huflit.edu.vn/index.php/hjs/article/view/144>

Phan Thị Hoàn. (2019). *Luật tục của người Cơ-tu về sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam*. [Luận án tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội].

Phòng Thống kê huyện Nam Giang. (2023). *Niên giám thống kê huyện Nam Giang năm 2022*.

Trần Hồng Thu. (2024). Chưa tính đến hiệu quả, chỉ cần đúng địa chỉ: Một số bất cập trong thực hiện giảm nghèo ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 4.

Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang. (2022). *Kết quả rà soát hộ nghèo năm 2022*.

Ủy ban nhân dân huyện Tây Giang. (2023). *Kết quả rà soát hộ nghèo năm 2023*.

Ủy ban nhân dân xã La Dê. (2023). Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm và phương hướng 6 tháng cuối năm 2023.